TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29-11-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Thuật;

2. Bà Lê Thị Phương Dung.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đinh Thị Khuyến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa***: Ông Trương Quốc Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 555/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2018 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Bảo T, sinh năm 1988. Hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1988. Hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 10/8/2018, bản tự khai ngày 10/8/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn bà T trình bày*:

Bà T và ông T sống chung với nhau từ năm 2008. Việc sống chung với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì không hạnh phúc nữa. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau về các vấn đề trong cuộc sống. Bà T đã cố gắng nhẫn

nhịn, hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không được. Hiện nay, bà T và ông T đã sống ly thân với nhau. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn, vì vậy bà T yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà T và ông T có 03 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 06/12/2008, Nguyễn Minh N, sinh ngày 06/01/2010 và Nguyễn Ngọc Linh N, sinh ngày 23/7/2012. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Linh N, bà T đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thị Ngọc L và Nguyễn Minh N cho ông T nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Đức T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong suốt quá trình tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong suốt quá trình tố tụng là đúng quy định pháp luật. Riêng bị đơn dù được niêm yết, triệu tập hợp lệ vẫn vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đang cư trú tại xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là ông Nguyễn Đức T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T chung sống với nhau từ năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, hiện bà T và ông T đã sống ly thân với nhau, vợ chồng không còn quan tâm,

chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Ông T không có thiện chí đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Bà T và ông T có 03 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 06/12/2008, Nguyễn Minh N, sinh ngày 06/01/2010 và Nguyễn Ngọc Linh N, sinh ngày 23/7/2012. Xét thấy, hiện cháu N dưới 07 tuổi và đang được bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên việc giao cháu N cho bà T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, không gây ảnh hưởng đến tâm sinh lý của trẻ; đối với cháu L, cháu N hiện đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với ông T nên việc giao cháu L, cháu N cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Quan điểm về nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 117, 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Bảo T đối với bị đơn ông Nguyễn Đức T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị Bảo T được ly hôn với ông Nguyễn Đức T.

- Về con chung: Giao cho bà Lê Thị Bảo T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Linh N, sinh ngày 23/7/2012; giao cho ông Nguyễn Đức T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày

06/12/2008 và Nguyễn Minh N, sinh ngày 06/01/2010. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Bảo T không yêu cầu ông Nguyễn Đức T cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Bảo T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0012264 ngày 15/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện D;
- CCTHADS huyện D;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Quang Tuấn